

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1195/TTr - BQP

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2024

## **TỜ TRÌNH**

### **Đề nghị xây dựng dự án Luật Tình trạng khẩn cấp**

Kính gửi: Chính phủ  
(Qua Bộ Tư pháp để thẩm định).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 4952/VPCP-PL ngày 04/7/2023 của Văn phòng Chính phủ: “*Giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tổng kết pháp luật về tình trạng khẩn cấp và đề xuất xây dựng Luật Tình trạng khẩn cấp...*”; căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Quốc phòng báo cáo, trình Chính phủ Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Tình trạng khẩn cấp với những nội dung chính như sau:

#### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

##### **1. Cơ sở chính trị**

Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai yêu cầu “Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan theo hướng khắc phục các chồng chéo, xung đột, bổ sung các quy định mới bảo đảm sự thống nhất, phù hợp, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, khả thi, thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai”.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã nhấn mạnh một số quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển của đất nước, trong đó yêu cầu “Xây dựng hệ thống và cơ chế giám sát tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo thiên tai, ô nhiễm và thảm họa môi trường, dịch bệnh”; xác định “Chủ động phòng ngừa là chính, ứng phó kịp thời, hiệu quả với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh”.

Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 của Bộ Chính trị về phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo xác định “Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và kỹ năng của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và toàn dân về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả chiến tranh, thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh; sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và nhân dân, góp phần quan trọng vào ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh”.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đề ra mục tiêu “Hoàn thiện cơ bản các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân”.

## **2. Cơ sở pháp lý**

Hiến pháp năm 2013 quy định “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” (khoản 2 Điều 14), trong khi đó, nhiều biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong tình trạng khẩn cấp (TTKC) đang được điều chỉnh bởi Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000.

Nghị quyết số 41/2021/QH15 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV đã yêu cầu Chính phủ “sớm nghiên cứu, đề xuất nâng Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp lên thành luật, trong đó có nội dung TTKC về dịch bệnh”.

## **3. Cơ sở thực tiễn**

a) Thực trạng pháp luật về TTKC hiện nay:

Hiện nay, pháp luật về TTKC được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, từ Hiến pháp, luật và văn bản dưới luật. Cụ thể: Hiến pháp năm 2013; Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000; Luật An ninh quốc gia năm 2004; Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007; Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi năm 2020; Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật Thú y năm 2015; Luật Quốc phòng năm 2018; Luật Dân quân tự vệ năm 2019; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; Nghị định số 74/2002/NĐ-CP ngày 21/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp khi có tình hình đe dọa nghiêm trọng an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội... Mặc dù có nhiều văn bản quy định về TTKC, song các văn bản, quy định này còn nhiều bất cập, chưa đầy đủ, hoàn thiện, một số quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo, cụ thể:

### **- Về khái niệm TTKC:**

Nhìn chung, quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật (văn bản QPPL) hiện hành liên quan đến TTKC không định nghĩa TTKC, mà chỉ liệt kê những tình huống có thể ban bố TTKC; chưa phân biệt nội hàm của khái niệm

TTKC với một số khái niệm khác gần nghĩa như khái niệm “tình huống cấp bách”. Vì vậy, việc chỉ đạo, quyết định, điều hành và triển khai áp dụng các biện pháp trong TTKC còn gặp nhiều bất cập, ví dụ như trong giai đoạn đại dịch COVID-19 xảy ra tại Việt Nam vừa qua.

Theo cách hiểu chung nhất, TTKC là tình huống ngoại lệ, bất thường và nguy hiểm do thiên nhiên hoặc con người gây ra; đe dọa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, tài sản, sức khỏe của nhân dân, đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền phải áp dụng những biện pháp đặc biệt nhằm ngăn chặn, hạn chế và khắc phục hậu quả đã hoặc sẽ xảy ra. Còn tình huống cấp bách là tình huống được xác định có nguy cơ sẽ xảy ra trong tương lai nhưng chưa đòi hỏi phải có ngay lập tức các biện pháp để ứng phó. Sự khác nhau cơ bản giữa TTKC và tình huống cấp bách đó là TTKC để chỉ những đe dọa ngay lập tức, còn tình huống cấp bách để chỉ những đe dọa trong tương lai gần. Quy định của pháp luật hiện hành chưa quy định rõ ranh giới giữa các khái niệm này, khiến việc áp dụng các biện pháp trong thực tiễn gặp nhiều lúng túng, bất cập.

***- Về hình thức và nội dung, quy định của Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000 chưa phù hợp, đầy đủ và bao phủ các lĩnh vực trong TTKC:***

+ *Về thẩm quyền ban bố TTKC:* Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000 trao trách nhiệm ban bố TTKC cho Chủ tịch nước hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhưng theo Hiến pháp 2013, các loại thẩm quyền liên quan đến TTKC được trao cho bốn chủ thể là Quốc hội (khoản 13 Điều 70), Ủy ban thường vụ Quốc hội (khoản 10 Điều 74), Chủ tịch nước (khoản 5 Điều 88), Chính phủ (khoản 3 Điều 96). Tương tự, Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 cũng quy định “*Ủy ban thường vụ Quốc hội ra nghị quyết ban bố tình trạng khẩn cấp theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ; trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp ngay được thì Chủ tịch nước ra lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp*” (khoản 2 Điều 42).

Một trong những đặc điểm quan trọng nhất của TTKC là tính cấp bách. Đây là đặc điểm đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền phải phản ứng nhanh, mạnh, kịp thời để ứng phó được và giảm thiểu tối đa thiệt hại. Thực tế chỉ đạo, điều hành khi đại dịch COVID-19 xảy ra tại Việt Nam cho thấy, Thủ tướng Chính phủ đã căn cứ vào Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm 2007 và Nghị định số 71/NĐ-CP ban hành các chỉ thị, công văn, văn bản điều hành hoạt động ứng phó với đại dịch COVID-19. Để ứng phó với tình hình cấp bách trong đại dịch, sự điều hành với vai trò người đứng đầu Chính phủ đã cho thấy sự chủ động, linh hoạt, kịp thời, vì vậy có hiệu quả, góp phần giúp Việt Nam vượt qua đại dịch. Do đó, việc mở rộng và trao thẩm quyền ứng phó với TTKC cho các cơ quan hành pháp, đứng đầu là Thủ tướng Chính phủ là cần thiết. Tuy nhiên, Hiến pháp năm 2013,

Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp, Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm 2007 lại trao các thẩm quyền (ban bố, công bố, chấm dứt) liên quan đến TTKC cho Chủ tịch nước hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội - những thiết chế khó có thể có được những phản ứng nhanh, kịp thời.

+ *Về thẩm quyền kiểm sát việc tuân thủ pháp luật trong TTKC*: Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp trao cho Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, theo Hiến pháp 2013, Viện kiểm sát nhân dân đã không còn chức năng kiểm sát việc tuân thủ pháp luật nữa mà chỉ còn chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

+ *Mối quan hệ giữa Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp với các đạo luật chuyên ngành điều chỉnh từng lĩnh vực trong TTKC*: Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp được ban hành năm 2000, trong 24 năm qua đã có rất nhiều văn bản luật được ban hành có hiệu lực pháp lý và quy định rộng hơn Pháp lệnh này. Ví dụ, Luật Phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm năm 2007; Luật Quốc phòng năm 2018 quy định TTKC về quốc phòng là trạng thái xã hội của đất nước khi có nguy cơ trực tiếp bị xâm lược, đã xảy ra hành động vũ trang xâm lược hoặc bạo loạn, nhưng chưa đến mức tuyên bố tình trạng chiến tranh. Việc sử dụng lực lượng vũ trang nhân dân và áp dụng biện pháp quân sự trong tình trạng chiến tranh, TTKC về quốc phòng được thực hiện theo lệnh của Chủ tịch nước; Luật An ninh mạng năm 2018 quy định theo hướng Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng trong phạm vi cả nước hoặc từng địa phương hoặc đối với một mục tiêu cụ thể; Luật Thú y năm 2015 quy định trong trường hợp dịch bệnh động vật lây lan nhanh trên diện rộng, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế - xã hội, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo để Thủ tướng Chính phủ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban bố TTKC theo quy định của pháp luật về TTKC.

Như vậy, mặc dù là một văn bản QPPL điều chỉnh chung về TTKC, nhưng về mặt hình thức văn bản, Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000 là văn bản dưới luật, hiệu lực pháp lý thấp hơn nhiều đạo luật chuyên ngành điều chỉnh từng lĩnh vực trong TTKC; về mặt nội dung, quy định của Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000 cũng chưa đầy đủ, chưa bao phủ các lĩnh vực trong TTKC. Điều đó cho thấy, Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp chưa thực sự đáp ứng với điều kiện mới ở nước ta hiện nay, đòi hỏi cần nâng cấp Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp lên thành Luật về TTKC để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

**- Về việc ban hành văn bản QPPL, văn bản hành chính để chỉ đạo, điều hành trong TTKC:**

Trong TTKC, để chỉ đạo, điều hành việc ứng phó với sự cố, thảm họa, cơ quan có thẩm quyền cần ban hành nhiều văn bản QPPL, văn bản hành chính, văn bản áp dụng pháp luật. Yêu cầu đặt ra là các văn bản này phải được ban hành

nhanh nhất có thể để kịp thời chuyển tải thông tin, giảm thiểu tối đa hậu quả do sự cố, thảm họa gây ra. Dưới góc độ này, quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam bộc lộ một số hạn chế, bất cập, cụ thể như sau:

+ Hiến pháp năm 2013 chỉ giao cho 01 chủ thể duy nhất là Quốc hội (khoản 13 Điều 70) có thẩm quyền quy định (ban hành các văn bản) liên quan đến TTKC, tuy nhiên hiện nay vẫn tồn tại văn bản dưới luật đang có hiệu lực điều chỉnh lĩnh vực TTKC đó là Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp do UBNDQH ban hành. Đây là một thực tế đang tồn tại trái với quy định của Hiến pháp, trong khi Hiến pháp năm 2013 đã ra đời được 11 năm.

+ Xuất phát từ tình hình thực tiễn cần ứng phó nhanh, kịp thời trong TTKC, pháp luật của nhiều quốc gia cho phép Quốc hội ủy quyền cho Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về TTKC; trong thời gian chống đại dịch COVID-19 vừa qua, một số quốc gia quy định ngay trong luật cho phép Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyền quyết định và áp dụng các biện pháp mạnh trên phạm vi quốc gia để phòng, chống dịch, bao gồm cả việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền công dân, quyền con người.

+ Ở Việt Nam, dưới góc độ thẩm quyền ban hành văn bản, trong giai đoạn điều hành đất nước ứng phó với đại dịch COVID-19, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành hàng loạt văn bản dưới các hình thức quyết định, chỉ thị. Về hình thức pháp luật, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ chỉ là văn bản điều hành, không được quy định những nội dung có tính chất quy phạm pháp luật, nhưng trên thực tế, một số chỉ thị mà Thủ tướng Chính phủ ban hành trong thời gian đại dịch lại chứa đựng nhiều quy phạm pháp luật, kể cả những quy phạm pháp luật hạn chế quyền con người, ví dụ như Chỉ thị số 16/CT-TTg. Trong Chỉ thị này, mặc dù không chính thức công bố TTKC do dịch COVID-19 nhưng những biện pháp áp dụng theo Chỉ thị này (như giãn cách xã hội trong vòng 15 ngày) là những biện pháp đặc biệt, ngoại lệ mà trong tình huống bình thường không thể hoặc rất khó được áp dụng, nhất là trên diện rộng. Đối chiếu với các tiêu chí của việc áp dụng các biện pháp trong TTKC theo quy định của pháp luật quốc tế, yêu cầu về tính cần thiết của các biện pháp đã được đáp ứng, bởi trên thực tế biện pháp giãn cách xã hội vào thời điểm đó thực sự có tác dụng tích cực trong việc phòng ngừa tình trạng lây lan dịch. Tuy nhiên, yêu cầu về tính chính danh, tính hợp pháp của các biện pháp là không đạt được. Chính quyền không ban bố TTKC, nhưng lại áp dụng những biện pháp đặc biệt, ngoại lệ vốn đáng lẽ chỉ dành cho TTKC. Điều này cho thấy hệ thống pháp luật của Việt Nam về TTKC còn nhiều khoảng trống, mâu thuẫn, chưa hợp lý, khiến việc điều hành của Thủ tướng Chính phủ trở nên bất cập, gây khó khăn cho phía người điều hành, không bảo đảm tính thuyết phục đối với người dân là các đối tượng chịu tác động của văn bản.

Từ những bất cập nêu trên, có thể thấy, yêu cầu ủy quyền lập pháp cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc ban hành một số văn bản QPPL trong TTKC với nhiều giải pháp mạnh để bảo đảm sự chủ động, linh hoạt, kịp thời nhằm kiểm soát hậu quả do sự cố, thảm họa gây ra đang được đặt ra hết sức cấp thiết.

***- Về xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn***

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015, sửa đổi năm 2020 quy định thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 147 đến Điều 149), theo đó đơn giản hóa một số bước trong quy trình (như không quy định bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo, việc lấy ý kiến không phải là thủ tục bắt buộc...); đơn giản hóa thời hạn thực hiện một số bước (ví dụ thời hạn lấy ý kiến trong quá trình soạn thảo văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn là không quá 20 ngày thay vì 60 ngày theo thủ tục thông thường...); đơn giản hóa hồ sơ, tài liệu trình (như hồ sơ dự án, dự thảo văn bản gửi thẩm định chỉ gồm 02 loại tài liệu là tờ trình và dự thảo thay vì 06 hoặc 04 loại tài liệu như trình tự, thủ tục thông thường). Mặc dù đã rút bớt một số công đoạn, rút ngắn thời hạn, đơn giản hóa hồ sơ, tài liệu; nhưng tổng thời gian ban hành văn bản QPPL theo thủ tục rút gọn vẫn còn quá dài, hồ sơ vẫn còn phức tạp, không phù hợp với việc ban hành văn bản trong TTKC để giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến sinh mệnh quốc gia, tính mạng, sức khỏe nhân dân, tài sản cá nhân, doanh nghiệp, nhà nước. Nói cách khác, thủ tục rút gọn trong ban hành văn bản QPPL hiện nay chỉ phù hợp áp dụng trong tình hình xảy ra sự cố, thảm họa ở mức thông thường, không phù hợp trong điều kiện xảy ra TTKC. Bất cập này cần được giải quyết trong Luật Tình trạng khẩn cấp.

Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, sửa đổi năm 2020 tách bạch quy trình xây dựng chính sách với quy trình soạn thảo văn bản QPPL. Tuy nhiên, Luật này chỉ quy định về việc soạn thảo văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn mà không quy định về trình tự, thủ tục rút gọn trong giai đoạn xây dựng chính sách. Điều đó có nghĩa trong TTKC, việc ban hành văn bản QPPL vẫn phải tuân thủ quy định về việc lập đề nghị xây dựng văn bản. Quy định này không phù hợp trong điều kiện TTKC, không tạo điều kiện cho việc xử lý những trường hợp cần phản ứng nhanh nhạy, thích ứng với hoàn cảnh thực tế, cấp bách của TTKC. Do vậy, việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn cần được thực hiện cả giai đoạn xây dựng chính sách và soạn thảo mới bảo đảm được việc ban hành văn bản QPPL được nhanh gọn, kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong TTKC, thể hiện đúng mục đích, ý nghĩa của việc rút gọn trình tự, thủ tục.

**- Về thủ tục thi hành án dân sự:**

Trong TTKC, vì lý do phải áp dụng một số biện pháp đặc biệt, ngoại lệ để ứng phó với TTKC nên không thể thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục liên quan đến thi hành án dân sự, dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân bị ảnh hưởng. Điều này thể hiện rõ trong quá trình chống dịch bệnh COVID-19 thời gian qua.

Để ứng phó với đại dịch COVID-19, nhiều địa phương phải áp dụng biện pháp giãn cách xã hội nên ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền của đương sự và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chấp hành viên, cơ quan thi hành án dân sự trong quá trình tổ chức thi hành án. Cụ thể là các vấn đề liên quan đến thời hiệu thi hành án (đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng thời hiệu quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự do giãn cách xã hội nhưng lý do này lại không đưa vào danh mục những trường hợp được coi là bất khả kháng để được hưởng thời hiệu), hoặc thời hạn tổ chức thi hành án (khi địa phương áp dụng biện pháp giãn cách xã hội thì việc thực hiện các công đoạn tổ chức thi hành án không thể thực hiện được, dẫn đến tình trạng đương sự khiếu nại kéo dài, gây bất lợi cho cơ quan thi hành án dân sự; hoặc chấp hành viên không thể tổ chức cưỡng chế thi hành án đúng thời hạn pháp luật quy định do trong thời kỳ dịch bệnh phải áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội, cấm tập trung đông người...).

**- Về xử lý vi phạm hành chính**

Trong TTKC, việc xử lý vi phạm hành chính vẫn thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đặc biệt là việc xử lý hành vi vi phạm quy định về ngăn ngừa, ứng phó trong TTKC. Trong lĩnh vực này, qua thực tiễn phòng chống dịch bệnh COVID-19 thời gian qua đã cho thấy một số vướng mắc bất cập, cụ thể như sau:

(i) Bất cập trong việc công khai các quyết định xử phạt vi phạm về phòng, chống dịch, bệnh nhằm bảo đảm tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa. Theo quy định tại Điều 72 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì việc công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ, đồng thời 02 điều kiện: *Thứ nhất*, vi phạm hành chính thuộc một trong 14 lĩnh vực quản lý nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Xử lý vi phạm hành chính; *Thứ hai*, hành vi vi phạm hành chính phải gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội. Trong khi, trên thực tế, có hành vi vi phạm về phòng, chống dịch, bệnh có thể thuộc 14 lĩnh vực quy định nhưng lại chưa gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội; hoặc ngược lại, có hành vi vi phạm về phòng, chống dịch, bệnh gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội nhưng lại không thuộc 14 lĩnh vực quản lý nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

(ii) Có những trường hợp đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính không thể chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do bị cách ly y tế hoặc đang ở trong khu vực, địa phương thực hiện giãn cách xã hội hoặc bị phong tỏa; không có khả năng chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mất việc làm, thu nhập giảm sút; hoặc do bị cách ly y tế hoặc ở khu vực phong tỏa nhưng không có tài khoản nên nộp tiền xử phạt chậm phát sinh tiền nộp chậm nhưng các trường hợp này không được coi là bất khả kháng.

(iii) Một số hành vi mô tả tình huống vi phạm hành chính không thống nhất, gây tranh cãi khi áp dụng (ví dụ hành vi không chấp hành quyết định về hạn chế tập trung đông người được quy định tại Chỉ thị, Nghị quyết...).

**- Về các chính sách cứu trợ cho cá nhân, doanh nghiệp nhằm ứng phó với TTKC, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân, phục hồi sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp sau sự cố, thảm họa:**

+ Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước quy định các biện pháp có thể áp dụng để xử lý, điều chỉnh nhằm hỗ trợ cho các dự án gặp tác động của đại dịch COVID-19. Theo đó, các giải pháp xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam bao gồm: Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, xử lý tài sản bảo đảm, khoan nợ, chuyển ngoại bảng để xử lý, xóa nợ gốc, xóa nợ lãi và bán nợ. Tuy nhiên, hiện nay Quy chế xử lý rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa được Thủ tướng Chính phủ ban hành nên Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có đủ căn cứ pháp lý để thực hiện các giải pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước trong đại dịch COVID-19.

+ Thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phê duyệt giảm lãi suất cho vay của Quỹ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa về mức 2,16%/năm (ngắn hạn) và 4,0%/năm (trung và dài hạn). Tuy nhiên, do đối tượng hỗ trợ của Quỹ hẹp, nên số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa được Quỹ hỗ trợ thời gian vừa qua là không nhiều. Thực tế qua 02 năm triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa đã tiếp cận và được Quỹ hỗ trợ ít hơn nhiều hơn so với giai đoạn trước. Do đối tượng hỗ trợ bị thu hẹp nên mặc dù vốn điều lệ của Quỹ là 2.000 tỷ đồng nhưng đến nay mới giải ngân hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được khoảng 110 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đối với các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước được hình thành từ vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, đối tượng hỗ trợ của Quỹ đã được mở rộng là toàn bộ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Như vậy, cùng trong Điều 20 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có quy định khác nhau về đối tượng



hỗ trợ của Quỹ. Điều này gây khó khăn trong tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Để hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua khó khăn do tác động của đại dịch COVID-19 và duy trì, mở rộng sản xuất kinh doanh sau khi dịch bệnh được kiểm soát thì việc mở rộng đối tượng cho vay, tài trợ của Quỹ là rất cần thiết.

+ *Về Giá:* Hiện nay, danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 15 Luật Giá gồm 11 loại hàng hóa dịch vụ quan trọng, thiết yếu đối với nền kinh tế và đời sống xã hội; các trường hợp thực hiện bình ổn giá được quy định tại Điều 16 của Luật Giá. Trong quá trình thực thi luật và thực tiễn công tác triển khai biện pháp bình ổn giá còn bất cập, có *một số nội dung còn chưa thống nhất giữa Luật Giá và một số pháp luật chuyên ngành về danh mục bình ổn giá và việc áp dụng biện pháp bình ổn giá.*

+ *Về thuế, phí, lệ phí:* Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 09/6/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định: hàng nhập khẩu tại chỗ để sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp phải đóng thuế nhập khẩu để được thông quan và làm thủ tục hoàn thuế sau khi hàng đã xuất khẩu. Việc tạm thu thuế đối với hàng nhập khẩu tại chỗ khiến các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên phụ liệu phải ứng ra số tiền lớn để đóng thuế và sau đó làm thủ tục hoàn thuế đã gây đọng vốn và chậm trễ trong việc cung ứng nguyên phụ liệu cho sản xuất của các doanh nghiệp. Điều này gây nhiều khó khăn và thiệt hại kinh tế cho doanh nghiệp trong bối cảnh tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19.

***- Về các biện pháp áp dụng trong tình huống sự cố, thảm họa có nguy cơ gây ra hoặc gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng chưa ban bố TTKC:***

Trong quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động liên quan đến TTKC, vấn đề đặt ra là tiêu chí nào để phân định ranh giới giữa trạng thái xã hội bình thường và trạng thái xã hội bất thường ở mức TTKC để khi chạm đến ranh giới đó, cơ quan có thẩm quyền có thể ban bố TTKC, từ đó kích hoạt hệ thống pháp luật áp dụng trong TTKC. Việc xác định ranh giới để ban bố TTKC rất quan trọng, bởi khi TTKC được kích hoạt, một loạt các biện pháp ngoại lệ, bất thường trong đó có những biện pháp hạn chế quyền công dân, quyền con người sẽ được áp dụng để ứng phó với tình trạng đó.

Trong quá trình đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của sự cố, thảm họa, nếu xuất hiện tình huống mà sự nguy hiểm cho xã hội đã hiện hữu, mức độ nguy hiểm đó (mặc dù đã gây ra một số hậu quả đặc biệt nghiêm trọng) nhưng chưa chạm đến ranh giới để ban bố TTKC và để bảo đảm sự an toàn, ổn định của xã hội mà cần phải kịp thời áp dụng ngay một số biện pháp cần thiết, thì tình huống này cần thiết phải được quy định trong luật.

Mặc dù Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp và Luật Phòng thủ dân sự, Luật phòng chống thiên tai, Luật phòng chống dịch bệnh chưa quy định, nhưng Luật An ninh quốc gia năm 2004 đã quy định những nét cơ bản về tình huống chưa ban bố TTKC, dưới danh nghĩa các biện pháp áp dụng khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa ban bố TTKC. Khoản 1 Điều 21 Luật An ninh quốc gia quy định các biện pháp Thủ tướng Chính phủ được quyền quyết định áp dụng khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa ban bố TTKC, gồm: một số biện pháp hạn chế quyền con người như hạn chế các cuộc tụ tập đông người; hạn chế hoặc tạm ngừng hoạt động của nhà hát, rạp chiếu phim và nơi sinh hoạt công cộng khác; kiểm soát việc sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc; buộc người có hành vi gây nguy hại cho an ninh quốc gia rời khỏi các khu vực quan trọng hoặc không được rời khỏi nơi cư trú...

Như vậy, trong giai đoạn chưa ban bố TTKC trong Điều 21 Luật An ninh quốc gia được hiểu là giai đoạn ngay sát thời điểm trước khi chạm vào ranh giới của TTKC. Đây chính là khoảng thời gian “bình thường” cuối cùng trước khi chế định về TTKC được kích hoạt hoặc đã chạm vào ranh giới của TTKC mà chưa ban bố TTKC.

Trong thực tiễn phòng, chống dịch COVID-19 vừa qua, không ít lần Thủ tướng Chính phủ đã áp dụng các biện pháp để chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, đánh giá và tư vấn cho Chính phủ trong giai đoạn chưa ban bố TTKC, mặc dù nhiều nước trên thế giới đã ban bố TTKC. Với những biện pháp áp dụng trong thực tế phòng chống COVID-19 vào thời điểm đó, theo chỉ đạo của Thủ tướng là giai đoạn mà sự nguy hiểm đã trở nên nghiêm trọng nhưng chưa kích hoạt TTKC. Đây là điểm khác biệt căn bản dựa vào đó có thể xác định ranh giới giữa giai đoạn chưa ban bố TTKC với TTKC. Sự khác biệt này sẽ tác động, ảnh hưởng đến việc lựa chọn các biện pháp thích hợp áp dụng trong từng giai đoạn.

Pháp luật của một số quốc gia, ở giai đoạn chưa ban bố TTKC, chính quyền có thể sử dụng một số biện pháp đặc biệt, ngoại lệ (bao gồm cả một số biện pháp hạn chế quyền công dân) giống như trong TTKC, nhưng lúc này hệ thống pháp luật về TTKC chưa được kích hoạt, chỉ là có thể được áp dụng hạn chế một số ngoại lệ. Thực tiễn cho thấy, trong thời gian thế giới ứng phó với đại dịch COVID-19, chỉ 50% quốc gia ban bố TTKC; 50% quốc gia còn lại trong đó có Việt Nam không ban bố TTKC nhưng vẫn áp dụng một số biện pháp đặc biệt, ngoại lệ, bao gồm cả biện pháp hạn chế quyền con người, để vượt qua đại dịch. Sự khác nhau giữa Việt Nam và các quốc gia không ban bố TTKC là việc áp dụng các biện pháp đặc biệt, ngoại lệ trong giai đoạn chưa ban bố TTKC có cơ sở pháp lý rõ ràng được quy định trong luật; còn ở Việt Nam, cơ sở pháp lý cho các biện pháp này chưa được quy định trong văn bản luật. Những yêu cầu về một

chế định pháp lý linh hoạt điều chỉnh trong giai đoạn chưa ban bố TTKC cho thấy cần thiết phải quy định chế định này trong Luật Tình trạng khẩn cấp.

b) Tình hình tổ chức thực hiện pháp luật về TTKC:

Kể từ khi có Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp và một số đạo luật chuyên ngành, Việt Nam chưa từng ban bố TTKC. Ngay trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 với cơ sở của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, nhưng Việt Nam cũng chưa ban bố TTKC về dịch bệnh. Tuy nhiên, trong thực tiễn phòng, chống dịch COVID-19 cho thấy, mặc dù chưa ban bố TTKC nhưng một số biện pháp của TTKC đã được áp dụng để kịp thời ứng phó với tình hình dịch bệnh. Do đó, thực tiễn áp dụng pháp luật trong phòng, chống dịch COVID-19 có ý nghĩa quan trọng đối với việc đánh giá, hoàn thiện pháp luật về phòng, chống dịch bệnh nói chung và pháp luật về TTKC về dịch bệnh nói riêng. Thực tiễn công tác chống dịch COVID-19 đã mang lại nhiều bài học kinh nghiệm, đồng thời cũng bộc lộ những chế, bất cập trong tổ chức thực hiện pháp luật về TTKC như:

- **Về kinh nghiệm:** Trong điều kiện lần đầu tiên xảy ra đại dịch lớn trên toàn thế giới đã phát sinh nhiều tình huống khó khăn, vướng mắc, bất cập cần phải giải quyết ngay, trong đó có nhu cầu cần phải điều chỉnh, trao quyền chủ động hơn, mạnh mẽ hơn cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để quyết định kịp thời các biện pháp cần thiết, linh hoạt đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống dịch bệnh; cần cho phép Chính phủ áp dụng những biện pháp chống dịch như trong điều kiện ban bố TTKC (vì nếu ban bố TTKC sẽ có những tác động bất lợi đến kinh tế, an ninh trật tự...), các biện pháp thuộc thẩm quyền của Quốc hội, các biện pháp khác với quy định của luật hoặc chưa được luật hiện hành quy định trong những trường hợp cần thiết để sớm ngăn chặn, kiểm soát được dịch bệnh.

- **Về khó khăn:**

(i) Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về TTKC của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế;

(ii) Quá trình ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, môi trường với những tình huống xảy ra với mức độ như nhau ở một số địa phương thì việc áp dụng các biện pháp nhằm ổn định, duy trì xã hội trở lại trạng thái bình thường còn chưa thống nhất;

(iii) Công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân còn chưa kịp thời, lúng túng khi có các tình huống khẩn cấp xảy ra; cấp có thẩm quyền chưa ban bố TTKC, nhưng các địa phương đã ban hành các văn bản hành chính hạn chế quyền con người, quyền công dân;

(iv) Quy trình, thủ tục mua sắm trang thiết bị vật chất, công tác bảo đảm hoạt động trong TTKC ở nhiều cấp, nhiều ngành còn gặp lúng túng, chờ để báo

cáo, xin hướng dẫn nên gây quá tải, thiếu thôn; việc ứng dụng công nghệ cao phục vụ cho các hoạt động trong TTKC hạn chế; hợp tác quốc tế trong TTKC chưa kịp thời, chưa hiệu quả.

c) Tình hình thế giới và khu vực:

Thế giới trong những thập niên đầu của Thế kỷ XXI đang đứng trước một cuộc khủng hoảng đa chiều. Các thảm họa do chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, dịch bệnh ngày càng trở nên phức tạp, khó lường. Cuộc xung đột Nga – Ucraina tác động không chỉ trong phạm vi hai quốc gia tham chiến, mà còn ảnh hưởng đến nền kinh tế, chính trị, xã hội của rất nhiều quốc gia trên thế giới. Tình hình thiên tai có xu thế ngày càng gia tăng, diễn biến bất thường, trái quy luật, gây ra những hậu quả nghiêm trọng làm gia tăng các tình huống khẩn cấp về sự cố, thảm họa đòi hỏi các quốc gia phải có các biện pháp ứng phó khẩn cấp.

Việt Nam là một trong 5 quốc gia chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất từ biến đổi khí hậu; ước tính trong 20 năm qua, các loại hình sự cố, thiên tai như bão, lũ,... đã khiến gần 20.000 người chết và mất tích, thiệt hại hơn 6,4 tỷ USD. Bên cạnh đó, sự khai thác vượt quá mức tiềm năng kinh tế xã hội trên các vùng miền của đất nước đã làm nảy sinh các vấn đề, tiềm ẩn nguy cơ đối với môi trường và sự an toàn của người dân. Dịch bệnh nguy hiểm xảy ra thường xuyên với mức độ cao hơn. Các thế lực thù địch, phản động không ngừng các hoạt động chống phá. Vì vậy phải thường xuyên củng cố, hoàn thiện các biện pháp ứng phó trong các tình huống khẩn cấp để bảo vệ Nhân dân, bảo vệ chế độ, bảo vệ đất nước.

Từ những cơ sở trên việc xây dựng, ban hành Luật về tình trạng khẩn cấp là cần thiết để hoàn thiện hành lang pháp lý bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT**

### **1. Mục đích xây dựng Luật**

Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và nâng cao hiệu quả pháp lý của hệ thống pháp luật về TTKC; tạo lập cơ sở pháp lý, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật nhằm tăng cường tính chủ động trong việc ứng phó, khắc phục kịp thời, hiệu quả trường hợp xảy ra tình huống khẩn cấp, góp phần bảo vệ Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

### **2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật**

a) Thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

b) Bảo đảm sự phù hợp, thống nhất với Hiến pháp năm 2013 và đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, hoàn thiện cơ chế, chính sách, khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn và nâng cao hiệu quả pháp lý của hệ thống pháp luật về TTKC theo hướng đổi mới, đồng bộ, thiết thực, khả thi.

c) Bảo đảm tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành về TTKC đã được thực tiễn kiểm nghiệm thấy phù hợp, đồng thời bổ sung những vấn đề còn thiếu để giải quyết những nội dung về TTKC đặt ra trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

d) Nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức ứng phó trong TTKC của một số quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn, pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### **III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ ÁN LUẬT**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban bố, công bố, bãi bỏ, các biện pháp được áp dụng trong TTKC; các biện pháp khắc phục hậu quả do TTKC; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong TTKC.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân là công dân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân là người nước ngoài sinh sống và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

### **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, CƠ SỞ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG DỰ ÁN LUẬT**

#### **1. Chính sách 1: Tăng thẩm quyền của một số chủ thể trong TTKC**

a) Mục tiêu của chính sách:

- Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các chủ thể: Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân hành động nhanh chóng, kịp thời, linh hoạt trong TTKC để bảo vệ tính mạng, sức khỏe cho người dân, tài sản cho cá nhân, doanh nghiệp, tài sản Nhà nước; an ninh, an toàn, trật tự xã hội.

- Bổ sung những quy định còn thiếu, sửa đổi những quy định chưa phù hợp để hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, tăng cường hiệu quả trong tổ chức thực thi pháp luật.

b) Nội dung của chính sách:

Tăng thẩm quyền chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh và thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân trong TTKC.

c) Giải pháp để thực hiện chính sách:

Quy định tại Luật TTKC theo hướng tăng thẩm quyền chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh và thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân trong TTKC so với quy định hiện hành.

d) Lý do lựa chọn giải pháp:

- Việc tăng thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch UBND cấp tỉnh sẽ giúp việc chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành pháp được chủ động, linh hoạt, kịp thời, đồng bộ trên phạm vi toàn quốc và tại địa phương; từ đó giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản, về kinh tế do sự cố, thảm họa gây ra; giúp các doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp ổn định sản xuất kinh doanh; giúp người dân ổn định cuộc sống; đáp ứng tình hình ứng phó với TTKC phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương.

- Với việc tăng thẩm quyền cho Thường trực HĐND (với số lượng thành viên Thường trực HĐND ít hơn nhiều so với thành viên HĐND) trong TTKC sẽ tạo cơ sở pháp lý, bảo đảm sự sâu sát cho công tác chỉ đạo ứng phó với TTKC tại địa phương; giúp các doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp ổn định sản xuất kinh doanh; người dân ổn định cuộc sống; đáp ứng tình hình ứng phó với TTKC phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương.

**2. Chính sách 2: Rút gọn trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL, văn bản hành chính; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện trình tự thủ tục thi hành án dân sự, xử lý vi phạm hành chính**

a) Mục tiêu của chính sách:

- Bảo đảm sự kịp thời, linh hoạt, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành để giải quyết các vấn đề cấp bách trong TTKC; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của cơ quan nhà nước ở cả trung ương và địa phương.

- Bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý, tính khả thi trong thủ tục thi hành án dân sự, xử lý vi phạm hành chính; bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống pháp luật; tăng cường sự chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành; nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong TTKC. Bảo đảm sự kịp thời, linh hoạt, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành để giải quyết các vấn đề cấp bách trong TTKC;

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của cơ quan nhà nước ở cả trung ương và địa phương.

- Bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý, tính khả thi trong thủ tục thi hành án dân sự, xử lý vi phạm hành chính; tăng cường sự chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành; nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong TTKC.

- Tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, doanh nghiệp trong quy trình tố tụng, thi hành án dân sự, xử lý vi phạm hành chính; nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của cơ quan tố tụng, cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan hành chính.

- Bảo đảm tuân thủ kỷ cương, pháp luật trong TTKC

b) Nội dung của chính sách:

Rút gọn trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL, văn bản hành chính; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện trình tự, thủ tục thi hành án dân sự, xử lý vi phạm hành chính trong TTKC.

c) Giải pháp để thực hiện chính sách:

Quy định tại Luật TTKC về rút gọn trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL, văn bản hành chính trong TTKC; bảo đảm duy trì hoạt động tố tụng trong TTKC; thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính và thi hành án dân sự trong TTKC.

d) Lý do lựa chọn giải pháp:

- *Tác động về kinh tế:* Tiết kiệm thời gian, tiền bạc trong quá trình ban hành văn bản QPPL, văn bản hành chính; tiết kiệm nhân lực, vật lực trong cơ quan nhà nước; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực thi hành án dân sự giúp người dân, doanh nghiệp ổn định cuộc sống, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung vào việc phát triển kinh tế.

- *Tác động xã hội:* Nhà nước tiết kiệm được thời gian, tiền bạc, nhân lực, vật lực; tăng cường hiệu quả quản lý; bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp (chế định bất khả kháng). Về phía người dân, doanh nghiệp, tiết kiệm được thời gian, tiền bạc, công sức; quyền lợi của người dân, doanh nghiệp được bảo đảm tốt hơn (bất khả kháng, thời hạn, thời hiệu); tăng cường lòng tin cho người dân, doanh nghiệp.

### **3. Chính sách 3: Quy định các biện pháp đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó trong TTKC, phục hồi sản xuất kinh doanh sau TTKC**

a) Mục tiêu của chính sách:

- Hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ chủ doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Nội dung của chính sách:

Quy định các biện pháp đặc biệt hỗ trợ về tài chính, ngân hàng, giá, thuế, phí, lệ phí, lao động, việc làm cho doanh nghiệp ứng phó trong TTKC và phục hồi sản xuất kinh doanh sau TTKC.

c) Giải pháp để thực hiện chính sách:

Quy định tại Luật TTKC các biện pháp đặc biệt hỗ trợ về tài chính, ngân hàng, giá, thuế, phí, lệ phí, lao động, việc làm cho doanh nghiệp ứng phó trong TTKC và phục hồi sản xuất kinh doanh sau TTKC.

d) Lý do lựa chọn giải pháp:

- *Tác động về kinh tế:* Giải pháp này mở rộng hơn phạm vi hỗ trợ, giúp doanh nghiệp duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh trong TTKC và sau sự cố, thảm họa; trực tiếp giúp doanh nghiệp ổn định, phục hồi sản xuất kinh doanh; ổn định và phát triển kinh tế; làm tăng nguồn chi cho ngân sách nhà nước.

- *Tác động xã hội:* Nhà nước giúp doanh nghiệp vượt qua được khủng hoảng, ổn định, phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh sau khủng hoảng; đóng góp vào ngân sách nhà nước, phát triển kinh tế. Doanh nghiệp được hỗ trợ vượt qua khủng hoảng, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh; tăng niềm tin cho doanh nghiệp vào sự quản lý vĩ mô của Nhà nước; khiến doanh nghiệp yên tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Giải pháp này mang lại nhiều lợi ích vì mở rộng hơn phạm vi hỗ trợ không chỉ hỗ trợ chính sách tài chính, ngân hàng, mà còn có chính sách hỗ trợ liên quan đến thuế, phí, lệ phí, lao động, việc làm; khiến các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp xuất nhập khẩu được hưởng lợi nhiều hơn từ chính sách.

#### **4. Chính sách 4: Quy định các biện pháp đặc biệt cứu trợ, hỗ trợ người dân để ứng phó, khắc phục hậu quả trong TTKC**

a) Mục tiêu của chính sách:

- Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân.
- Bảo đảm quyền con người trong TTKC.
- Bảo đảm an sinh xã hội.
- Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của những đối tượng yếu thế trong TTKC.

b) Nội dung của chính sách:

Quy định các biện pháp đặc biệt cứu trợ người dân trong TTKC; các biện pháp về bảo hiểm xã hội, lao động việc làm.

c) Giải pháp để thực hiện chính sách:

Quy định tại Luật TTKC các biện pháp đặc biệt cứu trợ người dân trong TTKC; các biện pháp về thuế, tài chính, ngân hàng, phí, lệ phí, bảo hiểm xã hội, lao động việc làm, xuất nhập cảnh nhằm hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả sau TTKC, bảo đảm an sinh xã hội.



d) Lý do lựa chọn giải pháp:

Với việc quy định các biện pháp đặc biệt cứu trợ người dân trong TTKC; các biện pháp về thuế, tài chính, ngân hàng, phí, lệ phí, bảo hiểm xã hội, lao động việc làm, xuất nhập cảnh giúp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản người dân ở cả giai đoạn trong TTKC và sau TTKC; giúp một số người nước ngoài lưu trú tại Việt Nam tạm ổn định cuộc sống trong thời kỳ xảy ra sự cố, thảm họa; giảm nhẹ các thiệt hại về người và tài sản; để người dân ổn định cuộc sống, phục hồi sau thảm họa, tiếp tục thực hiện công việc, bổ sung nhân lực lao động cho xã hội, góp phần tăng trưởng kinh tế.

**5. Chính sách 5: *Bổ sung các biện pháp áp dụng trong tình huống sự cố, thảm họa có nguy cơ gây ra hoặc gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng chưa ban bố TTKC***

a) Mục tiêu của chính sách:

- Khắc phục khoảng trống của pháp luật hiện hành trong việc ứng phó với khủng hoảng. Khi khủng hoảng xảy ra chính quyền không cần kích hoạt ngay lập tức TTKC. Phần lớn các biện pháp áp dụng trong TTKC đều dẫn đến việc hạn chế quyền công dân, quyền con người, gây ra những xáo trộn nhất định trong đời sống xã hội trên nhiều lĩnh vực. Bởi vậy, việc áp dụng các biện pháp này cần đặc biệt thận trọng trên cơ sở cân nhắc tính tương xứng giữa mức độ nguy hiểm và tác động tích cực hoặc tiêu cực của các biện pháp áp dụng, chỉ nên coi đây là những biện pháp cuối cùng khi ứng phó với khủng hoảng.

- Giúp cho việc quyết định ban bố TTKC được cân nhắc thận trọng hơn, tránh những xáo trộn lớn dưới góc độ kinh tế, chính trị, xã hội. Thực tiễn cho thấy, mặc dù COVID-19 là đại dịch toàn cầu xảy ra tại 220 quốc gia và vùng lãnh thổ, nhưng khảo sát cho thấy chỉ có 110 quốc gia ban bố TTKC; các quốc gia còn lại, trong đó có Việt Nam tuy không ban bố TTKC nhưng vẫn áp dụng các biện pháp ngoại lệ, bao gồm cả các biện pháp hạn chế quyền công dân, quyền con người để ứng phó với dịch bệnh. Điều đó cho thấy, quan trọng không phải là ở chỗ cần ban bố TTKC, mà quan trọng là những biện pháp ứng phó trong TTKC phải phù hợp và hiệu quả, tương xứng với mức độ nguy hiểm.

b) Nội dung của chính sách:

Quy định các biện pháp áp dụng khi sự cố, thảm họa có nguy cơ gây ra hoặc gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đến tính mạng, tài sản, sức khỏe của nhân dân, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội nhưng chưa ban bố TTKC.

c) Giải pháp để thực hiện chính sách :

Quy định tại Luật TTKC một số biện pháp cơ bản có tính nguyên tắc trong tình huống sự cố, thảm họa có nguy cơ gây ra hoặc gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng chưa ban bố TTKC; các biện pháp cụ thể dành cho luật chuyên ngành quy định.

d) Lý do lựa chọn giải pháp:

- Có thêm các biện pháp phù hợp, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, ứng phó khi sự cố, thảm họa xảy ra ở mức độ có nguy cơ gây ra hoặc gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng chưa ban bố TTKC.

- Nhằm khắc phục tình trạng còn thiếu các quy định, các biện pháp có thể áp dụng khi sự cố, thảm họa xảy ra; bảo đảm tính linh hoạt, khả thi, phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành; tăng cường tính minh bạch, rõ ràng trong việc áp dụng các biện pháp trong giai đoạn chưa ban bố TTKC.

- Giảm thiểu việc kích hoạt cơ chế áp dụng cho TTKC khi chưa cần thiết; giảm thiểu tối đa các thiệt hại về kinh tế nhất là đối với hoạt động sản xuất kinh doanh khi chưa cần áp dụng các biện pháp mạnh của TTKC.

#### **6. Chính sách 6. Quy định các biện pháp Tòa án có thể áp dụng trong TTKC để duy trì hoạt động xét xử**

a) Mục tiêu của chính sách:

- Bảo đảm quyền tư pháp của cá nhân, doanh nghiệp trong TTKC.

- Đa dạng hóa phương thức xét xử của cơ quan Tòa án, giúp hoạt động của Tòa án linh hoạt hơn, hiệu quả hơn.

- Nâng cao tính minh bạch trong hoạt động tố tụng của Tòa án, tạo đòn bẩy thúc đẩy quá trình giải quyết vụ việc, vụ án được nhanh chóng, thuận lợi hơn cho đương sự trong TTKC.

b) Nội dung của chính sách:

Quy định trong Luật TTKC các biện pháp tạm hoãn hoạt động xét xử trong thời hạn công bố TTKC, biện pháp di chuyển tạm thời địa điểm xét xử đến nơi có đủ điều kiện xét xử và biện pháp thực hiện hoạt động xét xử theo phương thức trực tuyến để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp trong TTKC.

c) Giải pháp để thực hiện chính sách:

Quy định một số biện pháp nhằm bảo đảm duy trì hoạt động xét xử của

Tòa án trong TTKC: tạm hoãn hoạt động xét xử trong thời hạn công bố TTKC, di chuyển tạm thời địa điểm xét xử đến nơi có đủ điều kiện xét xử, thực hiện hoạt động xét xử theo phương thức trực tuyến.

d) Lý do lựa chọn giải pháp:

Giải pháp này vừa giúp người dân, doanh nghiệp thực hiện được kịp thời quyền về mặt tư pháp của mình; giảm rủi ro về cơ hội cho người dân, doanh nghiệp; giúp họ chủ động trong lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh, đóng góp vào nền kinh tế; phù hợp với xu thế chung trên thế giới; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, nhân viên, thành viên Hội đồng xét xử và cả người dân, doanh nghiệp; giúp hệ thống cơ quan nhà nước cũng như hệ thống cơ quan Tòa án hoạt động hiệu quả hơn; khắc phục những vướng mắc, bất cập trong hệ thống pháp luật hiện nay.

## **V. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT**

### **1. Về tính tương thích của các chính sách đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên**

Bộ Quốc phòng đã nghiên cứu, rà soát các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt, đã nghiên cứu quy định tại Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và các Công ước khác về quyền con người mà Việt Nam tham gia để phù hợp với quy định việc quyền không bị giới hạn và những quyền có thể bị giới hạn trong TTKC, bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế nêu trên.

### **2. Về vấn đề bình đẳng giới**

Các chính sách dự kiến đưa vào dự án Luật TTKC trong Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật TTKC bảo đảm phù hợp với các quy định về giới trong hệ thống pháp luật hiện hành.

## **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT**

1. Kinh phí để triển khai Luật bao gồm: Xây dựng văn bản hướng dẫn Luật; tổ chức triển khai Luật; thực hiện tuyên truyền, phổ biến Luật; theo dõi thi hành Luật; hỗ trợ chế độ, chính sách cho người tham gia hoạt động trong TTKC; hỗ trợ an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng bởi hậu quả của chiến tranh, thảm họa lớn, sự cố gây ra; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; phục vụ cho công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện Luật...

2. Nguồn kinh phí gồm: Ngân sách Nhà nước, nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, Quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước khác và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

*(Nguồn lực, điều kiện bảo đảm cụ thể đối với các chính sách của Luật, xin xem thêm tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách đối với dự án Luật)*

## VII. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

*Nội dung này sẽ được cập nhật bổ sung trong quá trình gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.*

## VIII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI THÔNG QUA

Luật Tình trạng khẩn cấp trình Quốc hội cho ý kiến lần đầu tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV (tháng 5/2025); trình Quốc hội xem xét, thông qua vào Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV (tháng 10/2025).

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật Tình trạng khẩn cấp, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về TTKC từ năm 2000 đến năm 2023; (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật; (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức; (4) Bản chụp ý kiến góp ý; (5) Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo luật. *

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tổng Tham mưu;
- Cục Cứu hộ - Cứu nạn/BTTM;
- Lưu: VT, VPC. T107.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Thượng tướng Nguyễn Tân Cương**



**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP**

**Tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia dự thảo**  
**Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tình trạng khẩn cấp**

(Kèm theo Tờ trình số 1195 /TTr-BQP ngày 01/4/2024 của Bộ Quốc phòng)

Ngày 20/02/2024, Bộ Quốc phòng có Công văn số 598/BQP-TM về việc lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tình trạng khẩn cấp. Đến nay, Bộ Quốc phòng đã nhận được **76** ý kiến tham gia, cụ thể như sau:

- Số đơn vị có ý kiến tham gia: **76** (gồm: **22** bộ ngành, **54** địa phương).
- Số đơn vị thống nhất hoàn toàn nội dung dự thảo: **42** đơn vị (**09** bộ ngành, **33** địa phương).
- Số đơn vị tham gia về nội dung dự thảo: **34** đơn vị (**13** bộ ngành, **21** địa phương).

**A. VỀ DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ**

TT	Ý KIẾN THAM GIA	TIẾP THU GIẢI TRÌNH
1	Về cơ sở chính trị: Dự thảo Tờ trình nêu một số văn bản của Đảng là cơ sở chính trị để ban hành văn bản bao gồm: Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII... và trích dẫn các nội dung liên quan đến cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Tuy nhiên, để thể chế hóa các chủ trương này, Quốc hội đã ban hành nhiều văn bản luật có liên quan như Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023), Luật Bảo vệ môi trường năm 2023, Luật Phòng thủ dân sự năm 2023... Do đó, đề nghị cơ quan lập Đề nghị phân tích cụ thể hơn yêu cầu tiếp tục thể chế các chủ trương của Đảng bằng việc ban hành Luật Tình trạng khẩn cấp. (Bộ Tư pháp).	Bộ Quốc phòng tiếp thu và rà soát bổ sung Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đề ra mục tiêu “Hoàn thiện cơ bản các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân”. Đây cũng là cơ sở để rà soát lại Pháp lệnh TTKC để bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến quyền con người, quyền công dân chỉ bị hạn chế bởi Luật.

TT	Ý KIẾN THAM GIA	TIẾP THU GIẢI TRÌNH
2	<p>Đề nghị cập nhật chủ trương của Đảng về Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII (Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023) vào cơ sở chính trị (mục 1 phần I) và quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật (mục 2 phần II), đồng thời bổ sung các nội dung có liên quan theo Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia (Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019) và Chiến lược quốc phòng Việt Nam (Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018) (<i>Bộ Công an</i>).</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, bổ sung Nghị quyết Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 vào mục “Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật”. Các nội dung khác đã được thể hiện thông qua Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.</p>
3	<p>Đề nghị gộp ý thứ nhất và ý thứ ba của tiêu mục a, mục 3 phần I về cơ sở thực tiễn vì cả 02 nội dung này đều đề cập đến việc các quy định pháp luật về TTKC rời rạc, thiếu thống nhất (<i>Bộ Công an</i>).</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo.</p>
4	<p>Về cơ sở thực tiễn: Dự thảo Tờ trình đã bước đầu chỉ ra hạn chế, bất cập trong hệ thống pháp luật và trong tổ chức thi hành pháp luật về tình trạng khẩn cấp. Tuy nhiên, các phân tích chưa thực sự chặt chẽ, chủ yếu là mang tính chất liệt kê, thông tin, do đó chưa bảo đảm tính thuyết phục. Cụ thể như:</p> <p>+ Về hạn chế “các quy định về tình trạng khẩn cấp rải rác ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, gây khó khăn trong áp dụng”, cơ quan lập Đề nghị chủ yếu liệt kê các văn bản có quy định liên quan về tình trạng khẩn cấp mà chưa phân tích rõ những khó khăn, hạn chế trong áp dụng các quy định này. Về nguyên tắc, tình trạng khẩn cấp có thể xảy ra bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, do đó, việc các luật chuyên ngành quy định về tình trạng khẩn cấp và các biện pháp tương ứng trong từng lĩnh vực là phù hợp với thực tiễn. Hơn nữa, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020) đã có quy định về nguyên tắc áp dụng nhiều văn bản quy định về một vấn đề (khoản 2, 3 Điều 156). Do đó, cơ quan lập Đề nghị rà soát các quy định</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin tiếp thu và đã đánh giá toàn diện, chi tiết các vướng mắc, bất cập theo các nhóm vấn đề (ví dụ: về thẩm quyền của các cơ quan trong tình trạng khẩn cấp; về trình tự, thủ tục ban bố tình trạng khẩn cấp; về biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; về ban hành văn bản trong tình trạng khẩn cấp; về thi hành biện pháp tình trạng khẩn cấp, về trách nhiệm pháp lý của các chủ thể liên quan trong tình trạng khẩn cấp...</p> <p>Theo đó, phần Tờ trình chỉ nêu ngắn gọn, cô đọng các nội dung bất cập. Còn phân tích chi tiết các nội dung trên, cơ quan chủ trì soạn thảo thể hiện tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách.</p> <p>Đồng thời, các chính sách cụ thể trong đề nghị xây dựng Luật TTKC đã được xác định và đánh giá lại tác động, gồm: Chính sách 1: Tăng thẩm quyền của một số chủ thể trong TTKC; Chính sách 2: Rút gọn trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL, văn bản hành chính; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện trình tự thủ</p>

TT	Ý KIẾN THAM GIA	TIẾP THU GIẢI TRÌNH
	<p>pháp luật liên quan và phân tích chi tiết, cụ thể hơn về vấn đề này.</p> <p>+ Về hạn chế "hệ thống pháp luật về tình trạng khẩn cấp còn thiếu, chưa cụ thể dẫn đến chưa bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, gây khó khăn trong áp dụng. Bộ Tư pháp cho rằng nhận định này tương đối rộng và sẽ bao quát nhiều nội dung liên quan đến cả hệ thống pháp luật về tình trạng khẩn cấp. Trong khi đó, cơ quan lập Đề nghị đưa ra một số hạn chế trong một số văn bản quy phạm pháp luật về tình trạng khẩn cấp là chưa bảo đảm đầy đủ (Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp, Luật Quốc phòng, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm...). Phần hạn chế bất cập trong tổ chức thi hành pháp luật tình trạng khẩn cấp cũng được thiết kê tương tự theo hướng khái quát, liệt kê một số hạn chế nói chung (mang tính định tính) trong hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, môi trường. Báo cáo số 597/BC-BQP ngày 20/02/2024 của Bộ Quốc phòng về tổng kết thi hành pháp luật về tình trạng khẩn cấp từ năm 2000 đến năm 2023 cũng dừng ở việc nêu ra các hạn chế khái quát mà không kèm số liệu, dẫn chứng cụ thể. Do đó, những nhận định này chưa bảo đảm thuyết phục.</p> <p>Bộ Tư pháp cho rằng để có căn cứ đề xuất các chính sách xây dựng Luật, việc đánh giá các hạn chế, bất cập liên quan đến tình trạng khẩn cấp cần được đánh giá toàn diện, đầy đủ hơn và có thể triển khai theo các nhóm vấn đề cụ thể (ví dụ: Về thẩm quyền của các cơ quan trong tình trạng khẩn cấp; về trình tự, thủ tục ban bố tình trạng khẩn cấp; về biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; về ban hành văn bản trong tình trạng khẩn cấp; về thi hành biện pháp tình trạng khẩn cấp, về trách nhiệm pháp lý của các chủ thể liên quan trong tình trạng khẩn cấp...). Hơn nữa, trong thời gian qua, dịch bệnh Covid-19 ở nước ta được các cơ quan có</p>	<p>tục thi hành án dân sự, xử lý vi phạm hành chính; Chính sách 3: Quy định các biện pháp đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó trong TTKC, phục hồi sản xuất kinh doanh sau TTKC; Chính sách 4: Quy định các biện pháp đặc biệt cứu trợ, hỗ trợ người dân để ứng phó, khắc phục hậu quả trong TTKC; Chính sách 5: Bổ sung các biện pháp áp dụng trong tình huống sự cố, thảm họa có nguy cơ gây ra hoặc gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng chưa ban bố TTKC.</p>

TT	Ý KIẾN THAM GIA	TIẾP THU GIẢI TRÌNH
	thẩm quyền đánh giá là có tính chất tương tự như tình trạng khẩn cấp và áp dụng các biện pháp đặc biệt như trong tình huống này. Theo đó, đề nghị cơ quan lập Đề nghị trên cơ sở các báo cáo tổng kết liên quan để hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 để đánh giá toàn diện, đầy đủ hơn các hạn chế, bất cập, vướng mắc liên quan đến tình trạng khẩn cấp trong bối cảnh ứng phó dịch bệnh để làm cơ sở đề xuất các chính sách xây dựng Luật đáp ứng yêu cầu thực tiễn ( <i>Bộ Tư pháp</i> ).	
5	Tại dự thảo Tờ trình: Đề nghị phân tích, làm rõ mối liên hệ giữa Luật Tình trạng khẩn cấp và Luật Phòng thủ dân sự, trong đó cần phân tích sự cần thiết ban hành, những quy định còn thiếu tại Luật Phòng thủ dân sự, không chồng chéo về quy định khi Luật Tình trạng khẩn cấp được ban hành ( <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> ).	Bộ Quốc phòng tiếp thu và làm rõ mối liên hệ giữa Luật Tình trạng khẩn cấp và Luật Phòng thủ dân sự, các luật khác có liên quan đến TTKC tại Điều 5 dự kiến đề cương chi tiết dự thảo Luật.
6	Phân tích kỹ hơn về tình hình thế giới và khu vực tại tiểu mục c, mục 3 phần I, từ đó xác định cụ thể các yếu tố tác động có thể dẫn đến xảy ra TTKC ở Việt Nam. Đây cũng sẽ là cơ sở để phân loại các trường hợp và cấp độ TTKC khi xây dựng Luật ( <i>Bộ Công an</i> ).	Bộ Quốc phòng tiếp thu và bổ sung thêm tình hình thế giới và khu vực.
7	Rà soát lại các văn bản được trích dẫn trong dự thảo Tờ trình (ví dụ: tại trang 10, Luật Bảo vệ và phát triển rừng đã được thay thế bằng Luật Lâm nghiệp năm 2017) ( <i>Bộ Công an</i> )	Bộ Quốc phòng tiếp thu và chỉnh sửa lại dự thảo.
8	Khoản 1 Mục IV (Chính sách 1): + Đề nghị bổ sung Luật Lâm nghiệp vào điểm b về nội dung chính sách. + Đề nghị sửa “Luật bảo vệ và phát triển rừng thành “Luật Lâm nghiệp” tại điểm c. ( <i>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i> ).	Bộ Quốc phòng tiếp thu và đã bổ sung, chỉnh sửa dự thảo Tờ trình.
9	Tại dự thảo Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động chính sách: đề nghị Quý Bộ cân nhắc, chỉnh sửa tên chính sách theo hướng “Hạn chế <i>một số</i> quyền con người, quyền công dân và bảo đảm an	Bộ Quốc phòng xin tiếp thu và đã chỉnh sửa tên gọi, bổ sung đánh giá tác động chính sách tại Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động.



TT	Ý KIẾN THAM GIA	TIẾP THU GIẢI TRÌNH
	sinh xã hội trong tình trạng khẩn cấp” nhằm tránh việc hiểu nhầm là “hạn chế tất cả” ( <i>Bộ Khoa học và Công nghệ</i> ).	
10	Tại Mục V: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá và làm rõ nguồn nhân lực để bảo đảm không tăng tổ chức bộ máy và biên chế (hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng tinh thần các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017) và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đảm bảo phù hợp với chủ trương, quy định của Đảng và Nhà nước ( <i>Bộ Nội vụ</i> ).	Bộ Quốc phòng tiếp thu và bổ sung tại mục VI của Tờ trình.
11	Làm rõ hơn về mục đích, quan điểm và nội dung của dự án Luật Tình trạng khẩn cấp, cụ thể: Là tập hợp các quy định hiện có trong các văn bản quy phạm pháp luật hay thay thế, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về tình trạng khẩn cấp ( <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i> ).	Bộ Quốc phòng tiếp thu và làm rõ mục đích, quan điểm và nội dung tại Tờ trình.
12	<p>- Tại điểm 1 Mục II về Mục đích, quan điểm xây dựng Luật: Đề nghị rà soát, nghiên cứu sử dụng hợp lý cụm từ “tình trạng khẩn cấp” và “tình huống khẩn cấp” do trình trạng và tình huống là 02 nội hàm khác nhau.</p> <p>- Tại điểm 1 Mục III về Phạm vi điều chỉnh Luật: Đề nghị rà soát, nghiên cứu để sử dụng thống nhất, phù hợp nội dung “tổ chức thi hành nghị quyết, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp” và “tổ chức thi hành nghị quyết, lệnh công bố TTKC” (<i>Bộ Giao thông vận tải</i>).</p>	Bộ Quốc phòng tiếp thu và thống nhất sử dụng thuật ngữ phù hợp.
13	Đề nghị báo cáo rõ căn cứ pháp lý, thực tiễn, sự cần thiết xây dựng Luật Tình trạng khẩn cấp đảm bảo hồ sơ theo đúng quy định, quy trình của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ( <i>Bộ Tài chính</i> )	Bộ Quốc phòng tiếp thu và đã nêu rõ căn cứ pháp lý, thực tiễn, sự cần thiết xây dựng Luật Tình trạng khẩn cấp tại mục I của dự thảo Tờ trình Đề nghị xây dựng Luật Tình trạng khẩn cấp theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## B. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

TT	Ý KIẾN THAM GIA	TIẾP THU GIẢI TRÌNH
1	<p>Đề nghị cân nhắc, bổ sung thêm số liệu mang tính định lượng về tác động kinh tế của các giải pháp thực hiện chính sách (<i>Bộ Y tế</i>).</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, bổ sung dữ liệu ở một số nội dung đánh giá.</p>
2	<p>Cơ quan lập Đề nghị đã bước đầu xây dựng Báo cáo đánh giá tác động chính sách theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, tên một số chính sách chưa phù hợp với nội dung chính sách (chính sách 1, 2); việc xác định chính sách chung chung và bao hàm nhiều nội dung dẫn đến các nội dung chính sách dàn trải, khó xác định giải pháp và đánh giá tác động cụ thể; nhiều giải pháp thực hiện chính sách chưa được thể hiện trong Đề cương chi tiết luật. Cụ thể như sau:</p> <p>+ Về chính sách 1: Tên chính sách là “xác định, tạo lập các loại hình, điều kiện ban bố tình trạng khẩn cấp; phân định thẩm quyền ban bố, công bố, bãi bỏ, thi hành lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp để nâng cao hiệu quả thực thi về pháp luật về tình trạng khẩn cấp”, tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng nội dung vấn đề bất cập, giải pháp trong chính sách này tập trung xác định phạm vi điều chỉnh của Luật, mối quan hệ giữa Luật Tình trạng khẩn cấp với các luật khác có quy định liên quan đến tình trạng khẩn cấp.</p> <p>Bên cạnh đó, cơ quan lập Đề nghị đã xác định những hạn chế bất cập trong các quy định hiện hành về khái niệm, thẩm quyền ban bố, công bố, bãi bỏ thi hành lệnh tình trạng khẩn cấp và đề xuất giải pháp quy định các vấn đề này tại Luật Tình trạng khẩn cấp. Tuy nhiên, khái niệm tình trạng khẩn cấp tại giải pháp đề xuất hiện nay cơ bản tương tự với tình trạng khẩn cấp được liệt kê trong Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp năm 2000. Hơn nữa, các vấn đề về thẩm quyền ban bố, công bố, bãi bỏ thi hành lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp hiện nay đã được quy định tương đối rõ ràng trong Hiến pháp. Các giải pháp tại chính sách chưa thể hiện được nội dung đặc thù cần được cụ thể hóa trong Luật để đáp ứng yêu cầu ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp.</p> <p>Ngoài ra, đề nghị cơ quan lập Đề nghị nghiên cứu, đánh giá ưu, nhược điểm của các giải pháp một cách kỹ lưỡng nhằm lựa chọn được giải pháp tốt</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin tiếp thu và đã thiết kế lại tên gọi của các chính sách để tránh dàn trải, khó xác định giải pháp. Đồng thời, Bộ Quốc phòng đã đánh giá lại tác động của các chính sách này, gồm:</p> <p>Chính sách 1: Tăng thẩm quyền của một số chủ thể trong TTKC; Chính sách 2: Rút gọn trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL, văn bản hành chính; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện trình tự thủ tục thi hành án dân sự, xử lý vi phạm hành chính; Chính sách 3: Quy định các biện pháp đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó trong TTKC, phục hồi sản xuất kinh doanh sau TTKC; Chính sách 4: Quy định các biện pháp đặc biệt cứu trợ, hỗ trợ người dân để ứng phó, khắc phục hậu quả trong TTKC; Chính sách 5: Bổ sung các biện pháp áp dụng trong tình huống sự cố, thảm họa có nguy cơ gây ra hoặc gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng chưa ban bố TTKC; Chính sách 6. Quy định các biện pháp Tòa án có thể áp dụng trong TTKC để duy trì hoạt động xét xử.</p>

TT	Ý KIẾN THAM GIA	TIẾP THU GIẢI TRÌNH
	<p>nhất để thực hiện chính sách. Cụ thể như: Báo cáo đánh giá giải pháp 2 về “Xây dựng Luật về tình trạng khẩn cấp với các nguyên tắc, quy định chung nhằm điều phối, kết nối quy định về TTKC giữa các luật cụ thể” là không có tiêu cực về mặt xã hội. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy về ưu điểm của giải pháp này là phù hợp điều chỉnh cho từng trường hợp, nhưng mặt hạn chế là hệ thống quy định về TTKC vẫn còn được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, có thể xảy ra tính không thống nhất, đồng bộ giữa các quy định và gây khó khăn cho việc tra cứu. Đồng thời, cùng nội dung này, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động nêu giải pháp 3: “áp dụng Luật về tình trạng khẩn cấp thống nhất trên cơ sở pháp điểm, đồng bộ các quy định trong các luật chuyên ngành liên quan đến TTKC. Luật về TTKC sẽ là luật duy nhất điều chỉnh TTKC ở tất cả các ngành, lĩnh vực” có tác động tiêu cực là gây khó khăn cho người dân, cơ quan, tổ chức theo dõi tổng thể và tổ chức thực hiện các biện pháp áp dụng khi xảy ra sự cố, thảm họa, thiên tai trong các cấp độ, trạng thái khác nhau là chưa phù hợp.</p> <p>+ Về chính sách 2: Tên chính sách là “hạn chế quyền con người, quyền công dân và bảo đảm an sinh xã hội trong tình trạng khẩn cấp chưa thể hiện được nội dung chính sách. Bộ Tư pháp nhận thấy tên chính sách là quá rộng và việc ghép 02 nội dung có nội hàm khác nhau sẽ khó cho việc đánh giá tác động.</p> <p>Tại phần vấn đề bất cập, cơ quan lập Đề nghị xác định tương đối nhiều hạn chế, bất cập trong pháp luật hiện hành, tuy nhiên, giải pháp đưa ra lại chưa khắc phục được các vấn đề này: ví dụ, chưa có sự phân định rõ ràng các biện pháp áp dụng trong tình trạng khẩn cấp với các biện pháp áp dụng trong tình trạng thông thường (tại giải pháp và dự thảo Đề cương vẫn xác định một số biện pháp thông thường có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp); chưa có các biện pháp về an sinh, hoặc kinh tế, xã hội. Đánh giá tác động của chính sách lên hệ thống pháp luật, ngân sách nhà nước đối với chính sách này chưa được cơ quan lập Đề nghị thể hiện rõ.</p> <p>+ Về chính sách 3: về cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, Bộ</p>	

TT	Ý KIẾN THAM GIA	TIẾP THU GIẢI TRÌNH
	<p>Tư pháp nhận thấy chính sách này còn tương đối sơ sài; cơ chế kiểm tra, giám sát được thiết kế tương tự như trong điều kiện bình thường, chưa đưa ra giải pháp cụ thể phù hợp với đặc điểm, tình trạng khẩn cấp. Hơn nữa, chính sách và biện pháp cơ bản không có gì mới so với quy định hiện tại nên việc đặt tên chính sách như vậy là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị cơ quan lập Đề nghị rà soát, cân nhắc nghiên cứu thực tiễn trong hoạt động phòng, chống Covid-19 để đề xuất các giải pháp cụ thể hơn.</p> <p>Ngoài 03 chính sách nêu trên còn một số vấn đề bất cập mà hồ sơ Đề nghị xây dựng luật chưa đề cập, ví dụ: vấn đề quy định về thời hạn tình trạng khẩn cấp; trách nhiệm pháp lý trong tình trạng khẩn cấp; biện pháp khắc phục hậu quả sau tình trạng khẩn cấp; chế độ, chính sách của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tình trạng khẩn cấp... Đề nghị cơ quan lập Đề nghị cân nhắc nghiên cứu thiết kế lại các chính sách, giải pháp và đánh giá kỹ tác động chính sách để làm cơ sở xây dựng Luật, bảo đảm khắc phục được các hạn chế, bất cập trong hệ thống pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu ứng phó với tình trạng khẩn cấp. (<i>Bộ Tư pháp</i>)</p>	
3	<p>Về tính hợp hiến: Việc xây dựng Luật Tình trạng khẩn cấp thay thế Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp sẽ bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan lập Đề nghị rà soát các chính sách và các giải pháp tương ứng sau khi thiết kế lại để bảo đảm tính hợp hiến của chính sách. Ví dụ: các chính sách liên quan đến trình tự, thủ tục ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp, thẩm quyền thi hành, áp dụng các biện pháp cần bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của các cơ quan liên quan đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013 (ví dụ: khoản 10 Điều 74, khoản 5 Điều 88, khoản 3 Điều 96...); các biện pháp hạn chế quyền con người chỉ trong trường hợp thật cần thiết và bảo đảm tính tương xứng (<i>Bộ Tư pháp</i>).</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu và đã thiết kế lại 06 chính sách, bảo đảm tính hợp hiến của các chính sách này.</p>

TT	Ý KIẾN THAM GIA	TIẾP THU GIẢI TRÌNH
4	<p>Về tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật: Cơ quan lập Đề nghị đề xuất xây dựng Luật Tình trạng khẩn cấp với các nguyên tắc, quy định chung nhằm điều phối, kết nối các quy định về tình trạng khẩn cấp giữa các luật cụ thể như: Luật An ninh quốc gia năm 2004, Luật Quốc phòng 2018, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007, Luật Phòng, chống thiên tai 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Bảo vệ môi trường 2020, Luật Thú y năm 2015, Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008, Luật Thủy sản năm 2017, Luật Phòng thủ dân sự năm 2003... Mỗi luật chuyên ngành trên cơ sở của Luật Tình trạng khẩn cấp quy định cho phù hợp về tình trạng khẩn cấp lĩnh vực chuyên ngành. Do vậy, đề nghị cơ quan lập Đề nghị rà soát đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan đến các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan đến tình trạng khẩn cấp (<i>Bộ Tư pháp</i>).</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin tiếp thu, rà soát các luật có liên quan để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.</p>
5	<p>Hiện nay, việc vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố được quy định tại Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo. Tuy nhiên, qua rà soát hồ sơ dự thảo Đề nghị xây dựng Luật chưa có đánh giá về sự thống nhất quy định giữa Nghị định số 93/2021/NĐ-CP và việc huy động, vận động đóng góp tự nguyện và phân bổ nguồn lực hỗ trợ trong tình trạng khẩn cấp tại dự thảo Đề cương chi tiết Luật (<i>Bộ Tư pháp</i>).</p>	<p>Bộ Quốc phòng xin tiếp thu và rà soát bổ sung Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ.</p>
6	<p>Qua rà soát bước đầu, Bộ Tư pháp nhận thấy các chính sách này có nhiều nội dung liên quan đến các cam kết quốc tế về quyền con người và lao động mà Việt Nam là thành viên như: Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948; Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (Điều 4); Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội năm 1966 (Điều 4); Công ước về lao động cưỡng bức năm 1930 (Điều 2);... Vì vậy, đề nghị cơ quan lập Đề nghị rà soát kỹ các quy</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu, rà soát các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên để đảm bảo không gây cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế này.</p>

TT	Ý KIẾN THAM GIA	TIẾP THU GIẢI TRÌNH
	<p>định trong quá trình xây dựng dự thảo Đề cương chi tiết Luật, đặc biệt là Chính sách 2 (Hạn chế quyền con người, quyền công dân và bảo đảm an sinh xã hội trong tình trạng khẩn cấp) để đảm bảo không gây cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (<i>Bộ Tư pháp</i>).</p>	
7	<p>Chính sách 1: Xác định, tạo lập các loại hình, điều kiện ban bố TTKC; phân định thẩm quyền ban bố, công bố, bãi bỏ, thi hành lệnh ban bố TTKC để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về TTKC. Nội dung xác định vấn đề bất cập của chính sách này hiện không thống nhất với mục tiêu giải quyết vấn đề cũng như các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề mà Bộ Quốc phòng dự kiến, đồng thời, các giải pháp đề xuất cũng không phản ánh đúng tên gọi của chính sách. Cụ thể, vấn đề bất cập của chính sách là có quy định của Pháp lệnh TTKC chưa phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và có sự chưa thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTKC. Tuy nhiên, giải pháp đưa ra (ngoài giải pháp 1 là giữ nguyên hiện trạng) lại là (1) xây dựng Luật về TTKC với các nguyên tắc, quy định chung nhằm điều phối, kết nối quy định về TTKC giữa các luật cụ thể và (2) xây dựng Luật về TTKC thống nhất trên cơ sở pháp điển toàn bộ các quy định trong các luật chuyên ngành liên quan đến TTKC.</p> <p>Do vậy, cần cân nhắc điều chỉnh tên gọi của chính sách này thành “hoàn thiện hệ thống pháp luật về TTKC” và tách thành 02 nội dung (nếu cần thiết, có thể nghiên cứu tách thành 02 chính sách riêng biệt), gồm: (1) bảo đảm các quy định pháp luật về TTKC phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và (2) bảo đảm tính thống nhất trong quy định pháp luật về TTKC. Trong đó, Bộ Công an đề nghị lựa chọn giải pháp 3 của chính sách 1 là xây dựng Luật về TTKC thống nhất trên cơ sở thu hút toàn bộ các quy định trong các luật chuyên ngành liên quan đến TTKC. Mặc dù xây dựng Luật TTKC theo hướng này sẽ khó khăn hơn giải pháp 1 và 2 nhưng sẽ đảm bảo được sự đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với việc áp dụng trên thực tiễn và giải quyết triệt để tình trạng trùng lặp, chồng chéo, các khoảng trống pháp lý trong quy định pháp luật về TTKC như nêu tại vấn đề</p>	<p>Bộ Quốc phòng tiếp thu và đã chỉnh sửa lại các chính sách cho phù hợp.</p>